TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 52/2026/HNGĐ-ST Ngày 29-7-2026 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Hồng Vân

Ông Nguyễn Kim Cương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Phương- Thẩm tra viên Toà án nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2026/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1983; số CCCD: 031183025037 nơi cư trú: Số E đường Đ, TDP H, phường Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1981; số CCCD: 031081027888; nơi cư trú: Số nhà H ngõ B C. TDP T, phường H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/5/2026, bản tự khai, nguyên đơn là chị Bùi Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H quyết định kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận H nay là phường H, thành phố Hải Phòng vào ngày 13/10/2004.

Quá trình chung sống: Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn do mâu thuẫn về kinh tế, bất đồng quan điểm sống. Đến năm 2012, mâu thuẫn đỉnh điểm, vợ chồng xảy ra xô xát, đánh cãi chửi nhau do mâu thuẫn kinh tế. Từ đó đến nay chị và anh H sống ly thân mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai. Chị thấy không còn tình cảm gì với anh H và không thể đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn H có 02 con chung là Nguyễn Văn K, sinh ngày 02/5/2005 và Nguyễn Văn H1, sinh ngày 25/7/2011. Cháu K hiện đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu H1, ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu H1 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng vì từ khi anh chị sống ly thân thì cháu H1 và cháu K vẫn ở cùng với anh H. Việc cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị hiện nay là lao động tự do, hàng tháng thu nhập khoảng 7.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn như chị T đã trình bày. Quá trình chung sống, đến năm 2008 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2012, sống mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Đến nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn K, sinh ngày 02/5/2005 và cháu Nguyễn Văn H1, sinh ngày 25/7/2011. Cháu K hiện đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu H1 anh đề nghị Tòa án giao cháu H1 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Từ ngày chị T bỏ nhà đi hai cháu vẫn ở với anh, do anh chăm sóc nuôi dưỡng. Anh là lao động tự do thu nhập hàng tháng khoảng 12.000.000 đồng, có nơi cư trú ổn định. Việc cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung

sống, đến năm 2008, anh chị phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2012 đến nay, anh chị sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Như vậy, xác định mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T đề nghị ly hôn anh H đồng ý. Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn K, sinh ngày 02/5/2005 và cháu Nguyễn Văn H1, sinh ngày 25/7/2011. Cháu K hiện đã trưởng thành đủ 18 tuổi, anh chị không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết. Anh đề nghị Tòa án giao cháu H1 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Từ ngày chị T bỏ nhà đi hai cháu vẫn ở với anh H, do anh chăm sóc nuôi dưỡng. Anh H và chị T đều có yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu H1 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Mặt khác, cháu H1 có nguyện vọng được ở với bố. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, giao cháu H1 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chị T và anh H không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Chị T và anh H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tại thời điểm khởi kiện, bị đơn là anh Nguyễn Văn H cư trú tại phường H, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn: Chị T và anh H đều vắng mặt và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, đến năm 2008, anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn từ

kinh tế gia đình, anh chị không còn thương yêu chăm sóc, giúp đỡ nhau. Từ năm 2012 đến nay, chị T và anh H sống ly thân mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai. Anh chị đều thấy mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, vợ chồng không chung sống cùng nhau, anh chị không còn yêu thương, tôn trọng, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đều thống nhất ly hôn. Vì vậy, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[4] Về con chung: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn H có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn K, sinh ngày 02/5/2005 và cháu Nguyễn Văn H1, sinh ngày 25/7/2011. Cháu K hiện đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T và anh H đều yêu cầu Tòa án giao cháu H1 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H có công việc và thu nhập, có nơi ở ổn định nên đủ điều kiện nuôi con. Đồng thời cháu H1 có nguyện vọng được ở với anh H. Vì vậy, căn cứ vào các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giao con chung là Nguyễn Văn H1 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chị T và anh H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235 và điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn H1, sinh ngày 25/7/2011cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006524 ngày 27/5/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo của các đương sự: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 4, 6 và 7 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Dương Thị Hồng Vân **Nguyễn Kim Cương** **Nguyễn Thị Hằng**

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND khu vực 4- Hải Phòng;
- Phòng THA dân sự khu vực 4-Hải Phòng;
- UBND phường Tràng Cát, TP. Hải Phòng (GCNKH số 58 ngày 13/10/2004 Tràng Cát);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Mai Thị Duyên **Nguyễn Minh Hằng** **Nguyễn Thị Hằng**

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THA DS quận Hải An;
- UBND phường Trại Chuối, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng (GCNKH số 20 ngày 03/4/2013);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hằng